

Cà Mau, ngày 18 tháng 8 năm 2026

BẢNG CÔNG BỐ
THÔNG TIN NỘI KIỂM CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÀNH PHẨM
THÁNG 8/ 2026

1. Khu vực các phường, tỉnh Cà Mau

- Tổng số trạm: 21 trạm.
- Tổng số mẫu thử nghiệm (hóa lý và vi sinh): **27** mẫu/ tháng, trong đó:
 - + Số mẫu đầu mạng (nguồn): 21 mẫu;
 - + Số mẫu mạng phân phối: 03 mẫu (03 mẫu giữa mạng phân phối, 03 mẫu cuối mạng phân phối).
- Tổng số chỉ tiêu thử nghiệm: 10 chỉ tiêu nhóm A theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT).
- Tổng số chỉ tiêu chưa đạt: 00 chỉ tiêu.

2. Khu vực các xã, tỉnh Cà Mau

- Tổng số trạm: 26 trạm.
- Tổng số mẫu thử nghiệm (hóa lý và vi sinh): **54** mẫu/ tháng, trong đó:
 - + Số mẫu đầu mạng (nguồn): 26 mẫu;
 - + Số mẫu mạng phân phối: 28 mẫu (13 mẫu giữa mạng phân phối, 15 mẫu cuối mạng phân phối).
- Tổng số chỉ tiêu thử nghiệm: 10 chỉ tiêu nhóm A theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT).
- Tổng số chỉ tiêu chưa đạt: 00 chỉ tiêu.



STT	Đơn vị quản lý trực tiếp	Khu vực lấy mẫu thử nghiệm	Số mẫu/ tháng		Kết quả hóa lý		Kết quả vi sinh		Ghi chú
			Hóa lý	Vi sinh	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
1	XNCN CM 1	Các trạm lẻ, nhà máy	13	13	13	0	13	0	
2	XNCN CM 2	Các trạm lẻ, nhà máy	14	14	14	0	14	0	
3	XNCN & MT Năm Căn	Trạm Năm Căn Trạm Hàng Vĩnh	4	4	4	0	4	0	
4	CNCN Cái Đôi Vàm	Trạm bờ Nam Trạm bờ Bắc	4	4	4	0	4	0	
		<i>Trạm Việt Thắng</i>	2	2	2	0	2	0	Q < 1.000 m³/ngày.đêm
5	CNCN Sông Đốc	Trạm bờ Bắc Trạm bơm số 1	4	4	4	0	4	0	
		Trạm bờ Nam	3	3	3	0	3	0	
6	CNCN Trần Văn Thời	Trạm bơm số 2 Trạm bơm số 3	4	4	4	0	4	0	
7	CNCN Cái Nước	Trạm bơm số 1 Trạm bơm số 2	4	4	4	0	4	0	
8	CNCN Đầm Dơi	Trạm bơm số 1 Trạm bơm số 2 Trạm bơm số 3	5	5	5	0	5	0	
		<i>Trạm Quách Phẩm</i>	2	2	2	0	2	0	Q < 1.000 m³/ngày.đêm
9	CNCN Khánh An	Trạm Khánh An	3	3	3	0	3	0	
		Trạm U Minh	3	3	3	0	3	0	
		Trạm Khánh Hội	3	3	3	0	3	0	



STT	Đơn vị quản lý trực tiếp	Khu vực lấy mẫu thử nghiệm	Số mẫu/ tháng		Kết quả hóa lý		Kết quả vi sinh		Ghi chú	
			Hóa lý	Vi sinh	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt		
10	CNCN Phan Ngọc Hiền	Trạm bơm số 2 Trạm bơm số 3 Trạm Tân Ân	5	5	5	0	5	0		
11	CNCN Thới Bình	Trạm bơm số 1 Trạm bơm số 2 Trạm Khóm 4	5	5	5	0	5	0		
		Trạm Trí Phải	3	3	3	0	3	0		
		Tổng cộng		81	81	81	0	81	0	
Tỉ lệ (%)					100	0	100	0		

Kết luận:

Chất lượng nước tại khu vực các phường, xã của tỉnh Cà Mau thuộc hệ thống cấp nước do Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau đang quản lý được kiểm soát, giám sát chặt chẽ theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT).

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Phước Tài





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM
THUỐC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN



Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau
Điện thoại: 02903 836 360 - 02903 836 723 - Fax: 0290 383 6723 - Email: ctycapnuoccamau@yahoo.com
Website: <https://ctncamau.com.vn/>

DANH SÁCH MẪU NƯỚC THÀNH PHẨM
THÁNG 8 NĂM 2026

STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
1	CM1/08.2026	1	Đầu mạng Trạm 1	26.ĐK.0557	3/8	Tủ mát
2		2	Đầu mạng Trạm 2	26.ĐK.0558	3/8	Tủ mát
3		3	Đầu mạng Trạm 20	26.ĐK.0559	3/8	Tủ mát
4		4	Đầu mạng Trạm 23	26.ĐK.0560	3/8	Tủ mát
5		5	Đầu mạng Trạm 24	26.ĐK.0561	3/8	Tủ mát
6		6	Đầu mạng Trạm 27	26.ĐK.0562	3/8	Tủ mát
7		7	Đầu mạng Trạm 30	26.ĐK.0563	3/8	Tủ mát
8		8	Đầu mạng Nhà máy số 1	26.ĐK.0564	3/8	Tủ mát
9		9	Đầu mạng Trạm 18	26.ĐK.0565	3/8	Tủ mát
10		10	Đầu mạng Trạm Tác Vân	26.ĐK.0566	3/8	Tủ mát
11		11	14 đường An Dương Vương, P. Tân Thành (giữa mạng)	26.ĐK.0567	3/8	Tủ mát
12		12	252 đường Lý Thường Kiệt, P. Tân Thành (giữa mạng)	26.ĐK.0568	3/8	Tủ mát
13		13	472 đường Hải Thượng Lãn Ông, P. Hòa Thành (cuối mạng)	26.ĐK.0569	3/8	Tủ mát
14	CM2/08.2026	1	Đầu mạng Trạm 15	26.ĐK.0570	3/8	Tủ mát
15		2	Đầu mạng Trạm 21	26.ĐK.0571	3/8	Tủ mát
16		3	Đầu mạng Trạm 26	26.ĐK.0572	3/8	Tủ mát
17		4	Đầu mạng Trạm 29	26.ĐK.0573	3/8	Tủ mát
18		5	Đầu mạng Trạm 4	26.ĐK.0574	3/8	Tủ mát
19		6	Đầu mạng Trạm 12	26.ĐK.0575	3/8	Tủ mát
20		7	Đầu mạng Nhà Máy số 2	26.ĐK.0576	3/8	Tủ mát
21		8	Đầu mạng Trạm 16	26.ĐK.0577	3/8	Tủ mát
22		9	Đầu mạng Trạm 25	26.ĐK.0578	3/8	Tủ mát
23		10	Đầu mạng Trạm 22	26.ĐK.0579	3/8	Tủ mát
24		11	Đầu mạng Trạm 31	26.ĐK.0580	3/8	Tủ mát



STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
25	CM2/08.2026	12	101 đường số 18, Khu Dt Nhựt Hồng, P. LVL (cuối mạng)	26.ĐK.0581	3/8	Tủ mát
26		13	72/7 đường Lâm Thành Mậu, P. An Xuyên (giữa mạng)	26.ĐK.0582	3/8	Tủ mát
27		14	197 đường Lê Đức Thọ - Khu P.Tân Xuyên cũ, khóm 23, P. An Xuyên (cuối mạng)	26.ĐK.0583	3/8	Tủ mát
28	NC/08.2026	1	Đầu mạng Trạm Năm Căn	26.ĐK.0584	4/8	Tủ mát
29		2	Đầu mạng Trạm Hàng Vịnh	26.ĐK.0585	4/8	Tủ mát
30		3	Lê Tài Lý, Ấp 1, xã Năm Căn (giữa mạng)	26.ĐK.0586	4/8	Tủ mát
31		4	Vưu Thanh Tú, ấp Cái Nảy, khóm Hàng Vịnh, xã Năm Căn (cuối mạng)	26.ĐK.0587	4/8	Tủ mát
32	CĐV/08.2026	1	Đầu mạng Trạm Bờ Bắc Cái Đôi Vàm	26.ĐK.0588	4/8	Tủ mát
33		2	Đầu mạng Trạm Bờ Nam Cái Đôi Vàm	26.ĐK.0589	4/8	Tủ mát
34		3	Lưu Ngọc Hà, đường Cách Mạng Tháng 8, ấp 1, xã Cái Đôi Vàm (giữa mạng)	26.ĐK.0590	4/8	Tủ mát
35		4	Nguyễn Thị Mai, đường Trần Văn Thời, ấp 6, xã Cái Đôi Vàm (cuối mạng)	26.ĐK.0591	4/8	Tủ mát
36	SĐ/08.2026	1	Đầu mạng Trạm 1 - Sông Đốc	26.ĐK.0592	5/8	Tủ mát
37		2	Đầu mạng Trạm Bờ Bắc Sông Đốc	26.ĐK.0593	5/8	Tủ mát
38		3	Đầu mạng Trạm Bờ Nam Sông Đốc	26.ĐK.0594	5/8	Tủ mát
39		4	Bùi Quỳnh Như, ấp 11, xã Sông Đốc (giữa mạng bờ bắc)	26.ĐK.0595	5/8	Tủ mát
40		5	Đỗ Đức Hạnh, ấp 12, xã Sông Đốc (cuối mạng bờ bắc)	26.ĐK.0596	5/8	Tủ mát
41		6	Nguyễn Kim Chi, ấp 1, xã Sông Đốc (giữa mạng bờ nam)	26.ĐK.0597	5/8	Tủ mát
42		7	Nguyễn Hoàng Anh, ấp 5, xã Sông Đốc (cuối mạng bờ nam)	26.ĐK.0598	5/8	Tủ mát
43	TVT/08.2026	1	Đầu mạng Trạm 2 - Trần Văn Thời	26.ĐK.0599	5/8	Tủ mát
44		2	Đầu mạng Trạm 3 - Trần Văn Thời	26.ĐK.0600	5/8	Tủ mát
45		3	Trần Minh Đăng, đường Nguyễn Ngọc Sanh, xã Trần Văn Thời (giữa mạng)	26.ĐK.0601	5/8	Tủ mát
46		4	Trần Văn Tùng, đường Huỳnh Phi Hùng, xã Trần Văn Thời (cuối mạng)	26.ĐK.0602	5/8	Tủ mát
47	CN/08.2026	1	Đầu mạng Trạm 1- Cái Nước	26.ĐK.0603	5/8	Tủ mát
48		2	Đầu mạng Trạm 2 - Cái Nước	26.ĐK.0604	5/8	Tủ mát
49		3	Nguyễn Thê Phương, đường Cách Mạng Tháng 8, ấp 1, xã Cái Nước (giữa mạng)	26.ĐK.0605	5/8	Tủ mát
50		4	Võ Ánh Chúc, đường Nguyễn Văn Trỗi, xã Cái Nước (cuối mạng)	26.ĐK.0606	5/8	Tủ mát

200010
CÔNG
CỔ PH
CẤP N
CÀ M
THÀNH

STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
51	ĐD/08.2026	1	Đầu mạng Trạm 1- Đầm Dơi	26.ĐK.0607	10/8	Tủ mát
52		2	Đầu mạng Trạm 2 - Đầm Dơi	26.ĐK.0608	10/8	Tủ mát
53		3	Đầu mạng Trạm 3 - Đầm Dơi	26.ĐK.0609	10/8	Tủ mát
54		4	Lê Mỹ Hiền, đường Dương Thị Cẩm Vân, xã Đầm Dơi (giữa mạng)	26.ĐK.0610	10/8	Tủ mát
55		5	Lê Văn Hoàng, đường Lưu Tấn Thành, xã Đầm Dơi (cuối mạng)	26.ĐK.0611	10/8	Tủ mát
56	ĐD.QP/08.2026	1	Đầu mạng Trạm Quách Phẩm - Đầm Dơi	26.ĐK.0612	10/8	Tủ mát
57		2	Phạm Minh Đạt, ấp Xóm Dừa, xã Quách Phẩm (cuối mạng)	26.ĐK.0613	10/8	Tủ mát
58	KA/08.2026	1	Đầu mạng Trạm U Minh	26.ĐK.0614	10/8	Tủ mát
59		2	Đầu mạng Trạm Khánh An	26.ĐK.0615	10/8	Tủ mát
60		3	Đầu mạng Trạm Khánh Hội	26.ĐK.0616	10/8	Tủ mát
61		4	Phan Nhứt Kỳ, số 39 đường số 01, ấp 1, khu TĐC, xã Khánh An (giữa mạng)	26.ĐK.0617	10/8	Tủ mát
62		5	Nguyễn Văn Thanh, T23, ấp 15, khu TĐC, xã Khánh An (cuối mạng)	26.ĐK.0618	10/8	Tủ mát
63		6	Nguyễn Hồng Loan, ấp 1, xã Nguyễn Phích (giữa mạng)	26.ĐK.0619	10/8	Tủ mát
64		7	Phùng Văn Minh, ấp 2, xã Nguyễn Phích (cuối mạng)	26.ĐK.0620	10/8	Tủ mát
65		8	Bùi Văn Nam, ấp 3, xã Khánh Lâm (giữa mạng)	26.ĐK.0621	10/8	Tủ mát
66		9	Nguyễn Hoàng Chiến, ấp 3, xã Khánh Lâm (cuối mạng)	26.ĐK.0622	10/8	Tủ mát
67	PNH/08.2026	1	Đầu mạng Trạm 2 - Phan Ngọc Hiền	26.ĐK.0623	11/8	Tủ mát
68		2	Đầu mạng Trạm 3 - Phan Ngọc Hiền	26.ĐK.0624	11/8	Tủ mát
69		3	Đầu mạng Trạm 4 - Phan Ngọc Hiền	26.ĐK.0625	11/8	Tủ mát
70		4	Phan Văn Đua, Ấp Kênh Ba, xã Phan Ngọc Hiền (giữa mạng)	26.ĐK.0626	11/8	Tủ mát
71		5	Huỳnh Minh Như, ấp Dinh Hạ, xã Phan Ngọc Hiền (cuối mạng)	26.ĐK.0627	11/8	Tủ mát
72	CĐV.VT/08.2026	1	Đầu mạng Trạm Việt Thắng - xã Nguyễn Việt Khái	26.ĐK.0628	11/8	Tủ mát
73		2	Tạ Minh Phụng, ấp Hiệp Thành, xã Nguyễn Việt Khái (cuối mạng)	26.ĐK.0629	11/8	Tủ mát
74	TB/08.2026	1	Đầu mạng Trạm 1 - Thới Bình	26.ĐK.0630	11/8	Tủ mát
75		2	Đầu mạng Trạm 2 - Thới Bình	26.ĐK.0631	11/8	Tủ mát
76		3	Đầu mạng Trạm khóm 4 - Thới Bình	26.ĐK.0632	11/8	Tủ mát

1918-
TY
AN
JOC
AU
T.CAN

STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
77	TB/08.2026	4	Đầu mạng Trạm Trí Phải	26.ĐK.0633	11/8	Tủ mát
78		5	Từ Hoài Tính, đường Lê Duẩn, ấp Thới Bình, xã Thới Bình (giữa mạng)	26.ĐK.0634	11/8	Tủ mát
79		6	Nguyễn Thúy Hằng, đường 30/4, ấp 18 xã Thới Bình (cuối mạng)	26.ĐK.0635	11/8	Tủ mát
80		7	Trần Văn Chiêu, ấp 1, xã Trí Phải (giữa mạng)	26.ĐK.0636	11/8	Tủ mát
81		8	Liêu Gia Cường, ấp 1, xã Trí Phải (cuối mạng)	26.ĐK.0637	11/8	Tủ mát

Cà Mau, ngày 11 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Ngọc Hiền

P. TRƯỞNG PHÒNG



Trương Thị Kim Loan





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 8/ 2026
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Mã số mẫu Thông số	XNCN CÀ MAU 1							Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0557	26.ĐK.0558	26.ĐK.0559	26.ĐK.0560	26.ĐK.0561	26.ĐK.0562	26.ĐK.0563	
		1	2	3	4	5	6	7	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	8	7	8	7	7	8	Đạt
2	Mùi (Không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.47	0.50	0.53	0.53	0.50	0.47	0.40	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2 - 1.0 mg/l)	0.78	0.77	0.87	0.75	0.71	0.86	0.72	Đạt
5	pH (*) (6.0 - 8.5)	7.89	7.92	7.93	7.89	7.87	7.90	7.91	Đạt
6	Amoni (-N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.19	0.22	0.18	0.23	0.22	0.17	0.21	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	0.9	0.8	0.7	0.7	0.7	0.6	0.9	Đạt
8	H.lượng Arsenic ($\leq 0,01$ mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 17 tháng 8 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 8/ 2026
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Mã số mẫu Thông số	XNCN CÀ MAU 1						Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0564	26.ĐK.0565	26.ĐK.0566	26.ĐK.0567	26.ĐK.0568	26.ĐK.0569	
		8	9	10	11	12	13	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	7	8	8	9	9	Đạt
2	Mùi (Không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.41	0.41	0.49	0.44	0.52	0.46	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2 - 1.0 mg/l)	0.73	0.73	0.75	0.42	0.39	0.46	Đạt
5	pH (*) (6.0 - 8.5)	7.89	7.91	7.93	7.89	7.91	7.91	Đạt
6	Amoni (-N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.20	0.19	0.12	0.14	0.11	0.18	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	0.8	0.7	0.9	0.6	0.9	0.8	Đạt
8	H.lượng Arsenic ($\leq 0,01$ mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 17 tháng 8 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 8/ 2026
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Mã số mẫu Thông số	XNCN CÀ MAU 2							Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0570	26.ĐK.0571	26.ĐK.0572	26.ĐK.0573	26.ĐK.0574	26.ĐK.0575	26.ĐK.0576	
		1	2	3	4	5	6	7	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	8	8	7	7	8	7	Đạt
2	Mùi (Không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.43	0.44	0.44	0.47	0.42	0.46	0.42	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2 - 1.0 mg/l)	0.74	0.79	0.78	0.77	0.71	0.82	0.71	Đạt
5	pH (*) (6.0 - 8.5)	7.93	7.88	7.89	7.87	7.91	7.92	7.92	Đạt
6	Amoni (-N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.26	0.24	0.21	0.26	0.25	0.24	0.20	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	0.8	1.0	0.7	1.1	1.1	0.9	1.2	Đạt
8	H.lượng Arsenic ($\leq 0,01$ mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 17 tháng 8 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 8/ 2026
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Mã số mẫu Thông số	XNCN CÀ MAU 2							Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0577	26.ĐK.0578	26.ĐK.0579	26.ĐK.0580	26.ĐK.0581	26.ĐK.0582	26.ĐK.0583	
		8	9	10	11	12	13	14	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	8	7	8	9	9	8	Đạt
2	Mùi (Không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.45	0.48	0.46	0.45	0.53	0.46	0.49	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2 - 1.0 mg/l)	0.73	0.75	0.81	0.74	0.50	0.49	0.51	Đạt
5	pH (*) (6.0 - 8.5)	7.91	7.91	7.92	7.93	7.89	7.92	7.93	Đạt
6	Amoni (-N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.21	0.23	0.17	0.25	0.17	0.19	0.21	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1.1	0.9	1.1	1.1	0.9	1.2	0.9	Đạt
8	H.lượng Arsenic ($\leq 0,01$ mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 17 tháng 8 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 8/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN NĂM CĂN				CNCN CÁI ĐÔI VÀM				Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0584	26.ĐK.0585	26.ĐK.0586	26.ĐK.0587	26.ĐK.0588	26.ĐK.0589	26.ĐK.0590	26.ĐK.0591	
		1	2	3	4	1	2	3	4	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	13	12	13	13	12	12	13	13	Đạt
2	Mùi (không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	1.16	1.10	1.06	1.24	1.04	1.02	1.06	1.11	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.83	0.76	0.53	0.40	0.85	0.72	0.49	0.26	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.74	7.86	7.88	7.93	7.81	7.93	7.88	7.82	Đạt
6	Amoni (-N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.23	0.26	0.24	0.28	0.26	0.27	0.25	0.26	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1.9	1.8	1.7	1.7	1.7	1.8	1.9	1.8	Đạt
8	H.lượng Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

QT.10-BM.06

Ban hành: 01/2026

Cà Mau, ngày 17 tháng 8 năm 2026
P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan

Trang 1/7



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 8/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN SÔNG ĐỐC							Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0592	26.ĐK.0593	26.ĐK.0594	26.ĐK.0595	26.ĐK.0596	26.ĐK.0597	26.ĐK.0598	
		1	2	3	4	5	6	7	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	8	8	9	9	10	8	Đạt
2	Mùi (không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.41	0.47	0.51	0.63	0.72	0.66	0.67	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.73	0.84	0.74	0.54	0.25	0.34	0.28	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.79	7.85	7.96	7.82	7.79	7.85	7.91	Đạt
6	Amoni (-N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.15	0.16	0.14	0.17	0.14	0.16	0.15	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	0.8	0.9	0.7	0.9	0.8	0.8	0.9	Đạt
8	H.lượng Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 17 tháng 8 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 8/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN TRẦN VĂN THỜI				CNCN CÁI NƯỚC				Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0599	26.ĐK.0600	26.ĐK.0601	26.ĐK.0602	26.ĐK.0603	26.ĐK.0604	26.ĐK.0605	26.ĐK.0606	
		1	2	3	4	1	2	3	4	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	7	8	8	8	7	9	8	Đạt
2	Mùi (không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.32	0.45	0.58	0.56	0.47	0.45	0.51	0.59	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.74	0.71	0.53	0.33	0.80	0.79	0.51	0.28	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.85	7.93	7.88	7.76	7.99	7.87	7.96	7.72	Đạt
6	Amoni (-N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.18	0.17	0.19	0.22	0.23	0.24	0.21	0.26	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1.3	1.4	1.3	1.4	1.5	1.7	1.6	1.7	Đạt
8	H.lượng Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

QT.10-BM.06

Ban hành: 01/2026

Cà Mau, ngày 17 tháng 8 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan

Trang 3



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 8/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN ĐÀM ĐOI					CNCN ĐÀM ĐOI. QP		Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0607	26.ĐK.0608	26.ĐK.0609	26.ĐK.0610	26.ĐK.0611	26.ĐK.0612	26.ĐK.0613	
		1	2	3	4	5	1	2	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	8	7	9	8	7	9	Đạt
2	Mùi (không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.55	0.54	0.59	0.6	0.63	0.65	0.70	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.75	0.81	0.80	0.51	0.47	0.73	0.26	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.82	7.96	7.88	7.93	7.84	7.99	7.85	Đạt
6	Amoni (-N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.21	0.22	0.19	0.18	0.22	0.18	0.21	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1.20	1.10	1.30	1.10	1.20	1.40	1.30	Đạt
8	H.lượng Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 17 tháng 8 năm 2026

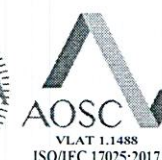
P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 8/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN KHÁNH AN									Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0614	26.ĐK.0615	26.ĐK.0616	26.ĐK.0617	26.ĐK.0618	26.ĐK.0619	26.ĐK.0620	26.ĐK.0621	26.ĐK.0622	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	7	7	8	9	9	9	8	8	Đạt
2	Mùi (không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.44	0.52	0.53	0.59	0.60	0.61	0.60	0.68	0.64	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.71	0.74	0.78	0.48	0.31	0.52	0.26	0.47	0.28	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.84	7.92	7.85	7.81	7.93	7.79	7.88	7.75	7.79	Đạt
6	Amoni (-N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.16	0.19	0.15	0.17	0.21	0.16	0.18	0.16	0.19	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1.2	1.3	1.1	1.2	1.5	1.3	1.5	1.6	1.4	Đạt
8	H.lượng Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

QT.10-BM.06

Ban hành: 01/2026

Cà Mau, ngày 17 tháng 8 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan

Trang /



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 8/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN NGỌC HIỂN					CNCN CÁI ĐÔI VÀM. VT		Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0623	26.ĐK.0624	26.ĐK.0625	26.ĐK.0626	26.ĐK.0627	26.ĐK.0628	26.ĐK.0629	
		1	2	3	4	5	1	2	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	8	7	9	8	8	9	Đạt
2	Mùi (không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.57	0.54	0.52	0.54	0.64	0.45	0.51	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.74	0.85	0.65	0.44	0.43	0.72	0.26	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.74	7.78	7.95	7.84	7.93	7.88	7.93	Đạt
6	Amoni (N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.16	0.18	0.19	0.22	0.21	0.28	0.26	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1.2	1.3	1.2	1.1	1.5	1.3	1.4	Đạt
8	H.lượng Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 17 tháng 8 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 8/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN THỐI BÌNH								Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0630	26.ĐK.0631	26.ĐK.0632	26.ĐK.0633	26.ĐK.0634	26.ĐK.0635	26.ĐK.0636	26.ĐK.0637	
		1	2	3	4	5	6	7	8	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	8	7	9	8	8	8	9	Đạt
2	Mùi (không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.57	0.54	0.52	0.54	0.64	0.56	0.45	0.51	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.74	0.85	0.65	0.44	0.43	0.27	0.72	0.26	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.74	7.78	7.95	7.84	7.93	7.84	7.88	7.93	Đạt
6	Amoni (-N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.16	0.18	0.19	0.22	0.21	0.23	0.28	0.26	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1.2	1.3	1.2	1.1	1.5	1.4	1.3	1.4	Đạt
8	H.lượng Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

QT.10-BM.06

Ban hành: 01/2026

Cà Mau, ngày 17 tháng 8 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan

Trang 7/7